



**LỊCH THI CHO SINH VIÊN ĐĂNG KÝ MÁY TÍNH HỌC VIỆN
HỌC KỲ HK II (2024-2025)**

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp Học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010100001601	23ĐHKL03; 23ĐHKVLQ	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	6	D02	7:30	2	31/03/2025				
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010100001603	23ĐHQTVT1; 23ĐHQTVT2	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	5	D02	7:30	2	31/03/2025				
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010100001604	23ĐHNATM1; 23ĐHNATM2	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	16	D02	7:30	2	31/03/2025				
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	010100001606	23ĐHNAHK1; 23ĐHNAHK2	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	1	D01	7:30	2	31/03/2025				
5	Pháp luật an ninh hàng không	010100150401	23ĐHQTAN	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	2	D01	7:30	2	31/03/2025				
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	011100001601	23ĐHTĐ01; 23ĐHTĐ02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	4	D01	7:30	2	31/03/2025				
7	Lịch sử Đảng	010100052405	23ĐHKKT03; 23ĐHTT05	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	22	D02	9:30	2	31/03/2025				
8	Lịch sử Đảng	010100052406	23ĐHQTTTH1; 23ĐHQTTTH2	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	20	D01	9:30	2	31/03/2025				
9	Lịch sử Đảng	010100052412	23ĐHQTAN; 23ĐHQTC3	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	10	D02	12:30	2	31/03/2025				
10	Lịch sử Đảng	010100052414	23ĐHQTKQ1; 23ĐHQTKQ2	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	9	D01	12:30	2	31/03/2025				
11	Lịch sử Đảng	010100052415	23ĐAQT01; 23ĐHDL03	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	18	D02	12:30	2	31/03/2025				
12	Lịch sử Đảng	010100052417	23ĐHNL01; 23ĐHNL02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	8	D01	12:30	2	31/03/2025				
13	Lịch sử Đảng	010100052401	23ĐHTT01; 23ĐHTT02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	11	D01	14:30	2	31/03/2025				
14	Lịch sử Đảng	010100052419	23ĐHNL03; 23ĐHNL04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	19	D02	14:30	2	31/03/2025				
15	Lịch sử Đảng	011100052401	23ĐHKKT01; 23ĐHKKT02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	6	D01	14:30	2	31/03/2025				
16	An toàn hàng không	010100008101	23ĐHQTAN	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	12	D02	16:30	2	31/03/2025				1 SV qua D01
17	An toàn hàng không	011100008102	23ĐHKL02	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	18	D02	16:30	2	31/03/2025				

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp Học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
18	An toàn hàng không	011100008103	23ĐHKL03	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	18	D01	16:30	2	31/03/2025				
19	Dịch vụ khách hàng	010100110402	23ĐHKVLĐ02	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	2	12	D02	18:30	2	31/03/2025				
20	Dịch vụ khách hàng	010100148801	23ĐHKVKH	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	2	14	D02	18:30	2	31/03/2025				
21	An toàn hàng không	011100008101	23ĐHKL01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	18	D01	18:30	2	31/03/2025				
22	Hình vị học	010100093901	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	2	D01	7:30	3	01/04/2025				
23	Hình vị học	010100093902	23ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	4	D02	7:30	3	01/04/2025				
24	Hình vị học	010100093903	23ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	6	D02	7:30	3	01/04/2025				
25	Hình vị học	010100093904	23ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	15	D02	7:30	3	01/04/2025				
26	Hình vị học	010100093906	23ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	1	D01	7:30	3	01/04/2025				
27	Hình vị học	010100093907	23ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	6	D01	7:30	3	01/04/2025				
28	Hình vị học	010100093908	23ĐHNATM1; 23ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	7	D01	7:30	3	01/04/2025				
29	Hình vị học	010100093909	23ĐHNATM3; 23ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	4	D02	7:30	3	01/04/2025				
30	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu	011100084002	23ĐHKL02	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	2	24	D02	9:30	3	01/04/2025				
31	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu	011100084003	23ĐHKL03	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	2	24	D01	9:30	3	01/04/2025				4 SV qua D02
32	Ngữ âm và Âm vị học	010100093801	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	4	D02	12:30	3	01/04/2025				
33	Ngữ âm và Âm vị học	010100093802	23ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	10	D02	12:30	3	01/04/2025				
34	Ngữ âm và Âm vị học	010100093804	23ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	7	D01	12:30	3	01/04/2025				1 SV qua D01
35	Ngữ âm và Âm vị học	010100093807	23ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	14	D02	12:30	3	01/04/2025				
36	Thiết bị giám sát và trang thiết bị điều hành bay	011100142401	23ĐHKL03	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	2	7	D01	12:30	3	01/04/2025				
37	Quản lý luồng không lưu	030100074201	23CĐKL01	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	2	7	D01	12:30	3	01/04/2025				
38	Công nghệ phần mềm	010100085601	23ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	13	D02	14:30	3	01/04/2025				

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp Học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
39	Công nghệ phần mềm	010100085602	23ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	2	D02	14:30	3	01/04/2025				
40	Công nghệ phần mềm	010100085603	23ĐHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	1	D01	14:30	3	01/04/2025				
41	Công nghệ phần mềm	010100085604	23ĐHTT04	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	4	D01	14:30	3	01/04/2025				
42	Công nghệ phần mềm	010100085605	23ĐHTT05	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	1	D01	14:30	3	01/04/2025				
43	Ngữ âm và Âm vị học	010100093803	23ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	2	D01	14:30	3	01/04/2025				
44	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng	010100138002	23ĐHNL02	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	12	D01	14:30	3	01/04/2025				
45	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng	010100138003	23ĐHNL03	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	4	D02	14:30	3	01/04/2025				
46	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng	010100138004	23ĐHNL04	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	10	D02	14:30	3	01/04/2025				
47	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng	010100138001	23ĐHNL01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	2	D02	16:30	3	01/04/2025				
48	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay	010100150201	23ĐHQTVT1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	14	D02	16:30	3	01/04/2025				
49	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay	010100150202	23ĐHQTVT2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	11	D02	16:30	3	01/04/2025				
50	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay	010100150203	23ĐHQTC1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	8	D01	16:30	3	01/04/2025				
51	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay	010100150204	23ĐHQTC2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	6	D01	16:30	3	01/04/2025				
52	Lập kế hoạch và quản lý mạng đường bay	010100150205	23ĐHQTC3	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	2	D01	16:30	3	01/04/2025				
53	Ngữ âm và Âm vị học	010100093805	23ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	8	D01	18:30	3	01/04/2025				2 SV qua D02
54	Ngữ âm và Âm vị học	010100093806	23ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	3	D01	18:30	3	01/04/2025				
55	Ngữ âm và Âm vị học	010100093808	23ĐHNATM1; 23ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	5	D01	18:30	3	01/04/2025				
56	Ngữ âm và Âm vị học	010100093809	23ĐHNATM3; 23ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	3	D01	18:30	3	01/04/2025				
57	Ngữ âm và Âm vị học	010100093811	23ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	3	D01	18:30	3	01/04/2025				
58	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không	011100033001	23ĐHKL01	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	2	27	D02	18:30	3	01/04/2025				
59	Giao tiếp liên văn hoá	010100096401	22ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	1	D01	7:30	4	02/04/2025				

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp Học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
60	Giao tiếp liên văn hoá	010100096402	22ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	1	D01	7:30	4	02/04/2025				
61	Giao tiếp liên văn hoá	010100096403	22ĐHNAHK	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	6	D01	7:30	4	02/04/2025				
62	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1	011100142501	23ĐHKL01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	22	D02	7:30	4	02/04/2025				
63	Dịch vụ kiểm soát tại sân	030100004301	23CĐKL01	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	3	7	D01	7:30	4	02/04/2025				
64	Mạng máy tính	010100084901	23ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	6	D01	9:30	4	02/04/2025				
65	Mạng máy tính	010100084902	23ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	2	D01	9:30	4	02/04/2025				
66	Mạng máy tính	010100084903	23ĐHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	4	D01	9:30	4	02/04/2025				
67	Mạng máy tính	010100084904	23ĐHTT04	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	1	D01	9:30	4	02/04/2025				
68	Mạng máy tính	010100084905	23ĐHTT05	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	7	D01	9:30	4	02/04/2025				
69	Hình vị học	010100093910	23ĐHNAHK1; 23ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	2	D02	9:30	4	02/04/2025				
70	Hình vị học	010100093911	23ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	10	D02	9:30	4	02/04/2025				
71	Dịch vụ không lưu	011100003601	23ĐHKL02	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	3	9	D02	9:30	4	02/04/2025				
72	Dịch vụ kiểm soát tiếp cận	030100067501	23CĐKL01	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	3	7	D02	9:30	4	02/04/2025				
73	Nghệ thuật Lãnh đạo	010100011601	23ĐHQTTTH1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	10	D01	12:30	4	02/04/2025				
74	Nghệ thuật Lãnh đạo	010100011602	23ĐHQTTTH2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	2	D01	12:30	4	02/04/2025				
75	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3	010100092201	21ĐHNAHK	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	3	D01	12:30	4	02/04/2025				
76	Tiếng Anh Dịch vụ Du lịch và Lữ hành 1	010100095602	23ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	1	D01	12:30	4	02/04/2025				
77	Tiếng Anh 2	010100109501	22ĐHTT01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	4	D01	12:30	4	02/04/2025				
78	Marketing quốc tế	010100110301	23ĐHKVLQ	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	4	D02	12:30	4	02/04/2025				
79	Marketing quốc tế	010100148301	23ĐHKVKH	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	14	D02	12:30	4	02/04/2025				
80	Marketing quốc tế	010100148302	23ĐHKVLĐ01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	11	D02	12:30	4	02/04/2025				

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp Học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
81	Tiếng Anh chuyên ngành Vận tải Hàng hóa HK	010100104902	23ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	6	D01	14:30	4	02/04/2025				
82	Tiếng Anh chuyên ngành Vận tải Hàng hóa HK	010100104903	23ĐHNAHK1; 23ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	6	D02	14:30	4	02/04/2025				
83	Tiếng Anh 2	010100109502	22ĐHKVLĐ	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	3	D02	14:30	4	02/04/2025				
84	Tiếng Anh 2	010100109503	22ĐHQTC3	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	2	D01	14:30	4	02/04/2025				
85	Tài chính doanh nghiệp	010100110001	23ĐHKVKH	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	8	D01	14:30	4	02/04/2025				
86	Quản lý luồng không lưu	011100074201	22ĐHKL01	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	3	3	D01	14:30	4	02/04/2025				
87	Quản lý luồng không lưu	011100074202	22ĐHKL02	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	3	10	D02	14:30	4	02/04/2025				
88	Tiếng Anh 2	011100109501	20ĐHĐT01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	10	D02	14:30	4	02/04/2025				
89	Quản trị tài chính	010100017101	23ĐHQTTH1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	13	D01	16:30	4	02/04/2025				
90	Quản trị tài chính	010100017102	23ĐHQTTH2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	7	D01	16:30	4	02/04/2025				
91	Quản trị tài chính	010100017103	23ĐHQTVT1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	3	D02	16:30	4	02/04/2025				
92	Quản trị tài chính	010100017104	23ĐHQTVT2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	8	D02	16:30	4	02/04/2025				
93	Quản trị tài chính	010100017105	23ĐHQTC1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	7	D02	16:30	4	02/04/2025				
94	Quản trị tài chính	010100017106	23ĐHQTC2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	8	D02	16:30	4	02/04/2025				
95	Quản trị tài chính	010100017107	23ĐHQTC3	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	10	D01	18:30	4	02/04/2025				
96	Quản trị tài chính	010100017108	23ĐHQTTAN	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	4	D02	18:30	4	02/04/2025				
97	Quản trị tài chính	010100017109	23ĐHQTKQ1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	8	D01	18:30	4	02/04/2025				
98	Quản trị tài chính	010100017110	23ĐHQTKQ2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	7	D02	18:30	4	02/04/2025				
99	Tiếng Anh chuyên ngành Vận tải Hàng hóa HK	010100104901	23ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	6	D02	18:30	4	02/04/2025				
100	Tiếng Anh 2	011100109502	20ĐHĐT01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	11	D02	18:30	4	02/04/2025				
101	Thanh toán quốc tế	010100046101	22ĐHQTC4	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	2	7	D02	7:30	5	03/04/2025				

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp Học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
102	Tiếng Anh thương mại 1	010100094602	23ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	1	D02	7:30	5	03/04/2025				
103	Tiếng Anh thương mại 1	010100094603	23ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	8	D02	7:30	5	03/04/2025				
104	Tiếng Anh thương mại 1	010100094605	23ĐHNATM1; 23ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	8	D02	7:30	5	03/04/2025				
105	Tiếng Anh thương mại 1	010100094606	23ĐHNATM3; 23ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	7	D01	7:30	5	03/04/2025				
106	Tiếng Anh 3	010100111901	22ĐHDL02	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	12	D01	7:30	5	03/04/2025				
107	Tiếng Anh 3	010100111902	22ĐHTT01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	1	D01	7:30	5	03/04/2025				
108	Quản trị chiến lược	010100011503	23ĐHQTTTH1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	6	D02	9:30	5	03/04/2025				
109	Quản trị chiến lược	010100011504	23ĐHQTTTH2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	7	D02	9:30	5	03/04/2025				
110	Quản trị chiến lược	010100011505	23ĐHQTVT1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	10	D01	9:30	5	03/04/2025				
111	Quản trị chiến lược	010100011506	23ĐHQTVT2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	10	D01	9:30	5	03/04/2025				
112	Quản trị chiến lược	010100011507	23ĐHQTC1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	1	D02	9:30	5	03/04/2025				
113	Quản trị chiến lược	010100011508	23ĐHQTC2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	7	D02	9:30	5	03/04/2025				
114	Quản trị chiến lược (Strategic Management)	010100011510	23ĐHQTKQ1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	5	D02	12:30	5	03/04/2025				
115	Quản trị chiến lược (Strategic Management)	010100011511	23ĐHQTKQ2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	16	D02	12:30	5	03/04/2025				
116	Quản trị chiến lược	010100011512	23ĐHNL01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	8	D02	12:30	5	03/04/2025				
117	Quản trị chiến lược	010100011515	23ĐHNL04	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	8	D01	12:30	5	03/04/2025				
118	Tiếng Anh	030100059701	23CĐCK01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	5	11	D01	12:30	5	03/04/2025				
119	Nguyên lý thống kê kinh doanh (Principles of Business Statistics)	010100055101	22ĐHQTC2	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	3	D02	14:30	5	03/04/2025				
120	Tiếng Anh thương mại 1	010100094601	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	8	D02	14:30	5	03/04/2025				
121	Tiếng Anh thương mại 1	010100094604	23ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	8	D02	14:30	5	03/04/2025				
122	Dịch vụ kiểm soát đường dài	011100067601	22ĐHKL01	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	3	11	D01	14:30	5	03/04/2025				

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp Học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
123	Các hệ thống trên tàu bay 1	011100054101	22ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	4	10	D01	16:30	5	03/04/2025				
124	Các hệ thống trên tàu bay 1	011100054102	22ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	4	4	D02	16:30	5	03/04/2025				
125	Sử dụng thiết bị giám sát trong công tác điều hành bay	011100064801	22ĐHKL01	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	4	3	D02	16:30	5	03/04/2025				
126	Sử dụng thiết bị giám sát trong công tác điều hành bay	011100064802	22ĐHKL02	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	4	11	D02	16:30	5	03/04/2025				
127	Quản trị chiến lược	010100011509	23ĐHQTC3	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	17	D02	18:30	5	03/04/2025				
128	Quản trị chiến lược	010100011513	23ĐHNL02	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	3	D02	18:30	5	03/04/2025				
129	Tiếng Anh 4	010100112018	23ĐHDL02	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	1	D02	18:30	5	03/04/2025			Độc	
130	Quản trị Marketing	010100011901	23ĐHNL01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	1	D01	7:30	6	04/04/2025				
131	Quản trị Marketing	010100011902	23ĐHNL02	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	6	D01	7:30	6	04/04/2025				
132	Quản trị Marketing	010100011903	23ĐHNL03	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	15	D02	7:30	6	04/04/2025				
133	Quản trị Marketing	010100011904	23ĐHNL04	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	8	D01	7:30	6	04/04/2025				
134	Đồ họa máy tính	010100085901	23ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	3	D01	9:30	6	04/04/2025				
135	Đồ họa máy tính	010100085902	23ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	7	D02	9:30	6	04/04/2025				
136	Đồ họa máy tính	010100085903	23ĐHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	6	D01	9:30	6	04/04/2025				
137	Đồ họa máy tính	010100085904	23ĐHTT04	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	2	D01	9:30	6	04/04/2025				
138	Đồ họa máy tính	010100085905	23ĐHTT05	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	2	D01	9:30	6	04/04/2025				
139	Hệ thống cơ khí tàu bay 2	030100066801	23CĐCK01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	3	13	D02	9:30	6	04/04/2025				
140	Quản trị chất lượng	010100011401	22ĐHQTVT1	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	6	D02	12:30	6	04/04/2025				
141	Tiếng Anh 4	010100112009	23ĐHQTVT1	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	2	D02	12:30	6	04/04/2025			Độc	
142	Tiếng Anh 4	010100112011	23ĐHQTC1	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	2	D02	12:30	6	04/04/2025			Độc	
143	Hệ thống điện tử tàu bay	030100068401	23CĐCK01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	3	13	D02	12:30	6	04/04/2025				

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp Học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
144	Lý thuyết tài chính tiền tệ	010100011001	22ĐHQTC4	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	9	D01	14:30	6	04/04/2025				
145	Tiếng Anh 4	010100112005	23ĐHKVLĐ01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	1	D01	14:30	6	04/04/2025			Độc	
146	Thực hiện theo dõi chuyến bay	011100142701	22ĐHKL01	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	3	21	D02	14:30	6	04/04/2025				
147	Tổng quan về hàng không dân dụng	030100059801	23CĐTM01	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	1	D01	14:30	6	04/04/2025				
148	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng	010100157701	23ĐHKVLĐ01	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	7	D02	16:30	6	04/04/2025				
149	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng	010100157702	23ĐHKVLĐ02	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	14	D02	16:30	6	04/04/2025				
150	Lịch sử Đảng	010200052401	23ĐVKL01; 23ĐVQT01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	34	D02	7:30	6	11/04/2025	1	1-20		
151	Lịch sử Đảng	010200052401	23ĐVKL01; 23ĐVQT01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	34	D01	7:30	6	11/04/2025	2	21-34		
152	Lịch sử Đảng	010100052403	23ĐHTT03; 23ĐHTT04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	19	D01	9:30	6	11/04/2025				
153	Lịch sử Đảng	010100052410	23ĐHQTC1; 23ĐHQTC2	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	12	D02	9:30	6	11/04/2025				1 SV qua D01
154	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu	011100084001	23ĐHKL01	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	2	18	D02	9:30	6	11/04/2025				
155	Dịch vụ khách hàng	010100110401	23ĐHKVLĐ01	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	2	9	D01	12:30	6	11/04/2025				
156	Pháp luật đại cương	010200000302	23ĐVQT01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	1	D01	12:30	6	11/04/2025				
157	Phân tích hoạt động kinh doanh	010200011701	22ĐVQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	5	D01	14:30	6	11/04/2025				
158	Văn hóa doanh nghiệp	010200012301	23ĐVQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	5	D01	14:30	6	11/04/2025				
159	Quy tắc bay	010200031401	23ĐVKL01	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	2	51	D02	7:30	7	12/04/2025	1	1-29		
160	Quy tắc bay	010200031401	23ĐVKL01	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	2	51	D01	7:30	7	12/04/2025	2	30-49		
161	Quy tắc bay	010200031401	23ĐVKL01	Khoa Khai thác Hàng không	Trắc nghiệm online	2	51	D02	9:30	7	12/04/2025	3	50-51		
162	Tư tưởng Hồ Chí Minh	011100001602	23ĐHKL01; 23ĐHKL02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	60	D02	9:30	7	12/04/2025	1	1-27		
163	Tư tưởng Hồ Chí Minh	011100001602	23ĐHKL01; 23ĐHKL02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	60	D01	9:30	7	12/04/2025	2	28-47		
164	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu	010200084001	23ĐVKL01	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	2	52	D02	12:30	7	12/04/2025	1	1-17		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp Học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
165	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu	010200084001	23ĐVKL01	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	2	52	D01	12:30	7	12/04/2025	2	18-37		
166	Tư tưởng Hồ Chí Minh	011100001602	23ĐHKL01; 23ĐHKL02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	60	D02	12:30	7	12/04/2025	3	48-60		
167	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu	010200084001	23ĐVKL01	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	2	52	D01	14:30	7	12/04/2025	3	38-52		
168	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1	011100142502	23ĐHKL02	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	26	D02	14:30	7	12/04/2025				
169	Pháp luật đại cương	010100000306	24ĐHDL03; 24ĐHDL04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	34	D01	7:30	2	28/04/2025	1	1-15		
170	Pháp luật đại cương	010100000306	24ĐHDL03; 24ĐHDL04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	34	D02	7:30	2	28/04/2025	2	16-34		
171	Luật kinh tế	010100010201	24ĐHQT01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	4	D02	9:30	2	28/04/2025				
172	Luật kinh tế	010100010203	24ĐHQT03	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	7	D02	9:30	2	28/04/2025				
173	Luật kinh tế	010100010205	24ĐHQT05	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	18	D02	9:30	2	28/04/2025				
174	Luật kinh tế	010100010206	24ĐHQT06	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	7	D01	9:30	2	28/04/2025				
175	Luật kinh tế	010100010208	24ĐHQT08	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	12	D01	9:30	2	28/04/2025				
176	Luật kinh tế (Economic Law)	010100010210	24ĐAQT01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	1	D01	9:30	2	28/04/2025				
177	Luật kinh tế	010100010202	24ĐHQT02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	13	D02	12:30	2	28/04/2025				
178	Luật kinh tế	010100010204	24ĐHQT04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	6	D02	12:30	2	28/04/2025				
179	Luật kinh tế	010100010209	24ĐHQT09	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	9	D02	12:30	2	28/04/2025				
180	Kiến trúc máy tính	010100051001	24ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	2	1	D01	12:30	2	28/04/2025				
181	Kiến trúc máy tính	010100051002	24ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	2	1	D01	12:30	2	28/04/2025				
182	Kiến trúc máy tính	010100051003	24ĐHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	2	3	D01	12:30	2	28/04/2025				
183	Kiến trúc máy tính	010100051004	24ĐHTT04	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	2	1	D01	12:30	2	28/04/2025				
184	Kiến trúc máy tính	010100051005	24ĐHTT05	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	2	4	D01	12:30	2	28/04/2025				
185	Kiến trúc máy tính	010100051006	24ĐHTT06	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	2	1	D01	12:30	2	28/04/2025				

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp Học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
186	Địa chất công trình	011100115101	24ĐHXC1	Khoa Xây dựng	Trắc nghiệm online	2	1	D01	12:30	2	28/04/2025				
187	Kinh tế chính trị Mác Lênin	011100074704	24ĐHKL01; 24ĐHKL02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	35	D02	14:30	2	28/04/2025	1	1-20		
188	Kinh tế chính trị Mác Lênin	011100074704	24ĐHKL01; 24ĐHKL02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	35	D01	14:30	2	28/04/2025	2	21-35		
189	Pháp luật đại cương	010100000301	24ĐHDL01; 24ĐHDL02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	30	D01	16:30	2	28/04/2025	1	1-15		
190	Pháp luật đại cương	010100000301	24ĐHDL01; 24ĐHDL02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	30	D02	16:30	2	28/04/2025	2	16-30		
191	Pháp luật đại cương	010100000304	24ĐHDL01; 24ĐHDL02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	31	D02	18:30	2	28/04/2025	1	1-15		
192	Pháp luật đại cương	010100000304	24ĐHDL01; 24ĐHDL02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	31	D01	18:30	2	28/04/2025	2	16-31		
193	Pháp luật hàng không	011100001301	24ĐHKL01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	16	D02	7:30	3	29/04/2025				2 SV qua D01
194	Pháp luật hàng không	011100001302	24ĐHKL02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	15	D02	7:30	3	29/04/2025				
195	Pháp luật hàng không	011100001303	24ĐAKL01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	18	D01	7:30	3	29/04/2025				
196	Tâm lý học đại cương	010100000602	24ĐHNL02	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	15	D02	9:30	3	29/04/2025				
197	Tâm lý học đại cương	010100000604	24ĐHNL04	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	20	D01	9:30	3	29/04/2025				
198	Tâm lý học đại cương	010100000605	24ĐHNL05	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	11	D02	9:30	3	29/04/2025				
199	Tâm lý học đại cương	010100000601	24ĐHNL01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	1	D01	12:30	3	29/04/2025				
200	Tâm lý học đại cương	010100000603	24ĐHNL03	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	8	D01	12:30	3	29/04/2025				
201	Pháp luật hàng không (Aviation Law)	010100060101	24ĐHTT01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	4	D02	12:30	3	29/04/2025				
202	Pháp luật hàng không (Aviation Law)	010100060102	24ĐHTT02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	4	D01	12:30	3	29/04/2025				
203	Pháp luật hàng không (Aviation Law)	010100060103	24ĐHTT03	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	1	D02	12:30	3	29/04/2025				
204	Pháp luật hàng không (Aviation Law)	010100060104	24ĐHTT04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	1	D02	12:30	3	29/04/2025				
205	Pháp luật hàng không (Aviation Law)	010100060105	24ĐHTT05	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	9	D02	12:30	3	29/04/2025				
206	Pháp luật hàng không (Aviation Law)	010100060106	24ĐHTT06	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	4	D01	12:30	3	29/04/2025				

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp Học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
207	Cơ học và tính năng tàu bay	011100065901	24ĐHKL01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	3	14	D02	12:30	3	29/04/2025				
208	Pháp luật đại cương	010100000303	24ĐHDL03; 24ĐHDL04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	48	D02	14:30	3	29/04/2025				
209	Pháp luật đại cương	010100000303	24ĐHDL03; 24ĐHDL04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	48	D01	14:30	3	29/04/2025				
210	Cơ học và tính năng tàu bay	011100065902	24ĐHKL02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	3	20	D01	16:30	3	29/04/2025				
211	Cơ học và tính năng tàu bay	011100065903	24ĐAKL01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Trắc nghiệm online	3	26	D02	16:30	3	29/04/2025				
212	Kinh tế chính trị Mác Lênin	010100074713	24ĐHQT05; 24ĐHQT06	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	18	D01	18:30	3	29/04/2025				
213	Kinh tế chính trị Mác Lênin	010100074737	24ĐHDL03; 24ĐHDL04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	27	D02	18:30	3	29/04/2025				
214	Kinh tế chính trị Mác Lênin	011100074701	24ĐHĐT01; 24ĐHĐT02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	2	D01	7:30	2	05/05/2025				
215	Kinh tế chính trị Mác Lênin	011100074702	24ĐHTĐ01; 24ĐHTĐ02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	29	D02	7:30	2	05/05/2025				
216	Kinh tế chính trị Mác Lênin	011100074703	24ĐHKT03; 24ĐHTĐ03	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	12	D01	7:30	2	05/05/2025				
217	Kinh tế chính trị Mác Lênin	010100074701	24ĐHTT01; 24ĐHTT02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	40	D02	9:30	2	05/05/2025	1	1-29		
218	Kinh tế chính trị Mác Lênin	010100074701	24ĐHTT01; 24ĐHTT02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	40	D01	9:30	2	05/05/2025	2	30-40		
219	Kinh tế chính trị Mác Lênin	011100074708	24ĐHDXD01; 24ĐHDXD02; 24ĐHDXD01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	3	D01	9:30	2	05/05/2025				
220	Kinh tế chính trị Mác Lênin	010100074703	24ĐHTT05; 24ĐHTT06	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	24	D02	12:30	2	05/05/2025				
221	Kinh tế chính trị Mác Lênin	010100074707	24ĐAKL01; 24ĐAKV01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	8	D01	12:30	2	05/05/2025				3 sv qua D02
222	Kinh tế chính trị Mác Lênin	010100074708	24ĐHKVC1; 24ĐHKVC2	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	15	D01	12:30	2	05/05/2025				
223	Kinh tế chính trị Mác Lênin	010100074711	24ĐHQT03; 24ĐHQT04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	16	D02	14:30	2	05/05/2025				3 sv qua D01
224	Kinh tế chính trị Mác Lênin	010100074715	24ĐHQT07; 24ĐHQT08	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	16	D02	14:30	2	05/05/2025				
225	Kinh tế chính trị Mác Lênin	010100074717	24ĐHKV03; 24ĐHQT09	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	15	D01	14:30	2	05/05/2025				
226	Kinh tế chính trị Mác Lênin	010100074709	24ĐHQT01; 24ĐHQT02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	24	D02	16:30	2	05/05/2025				
227	Kinh tế chính trị Mác Lênin	010100074735	24ĐHDL01; 24ĐHDL02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	24	D01	16:30	2	05/05/2025				4 SV qua D02

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp Học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
228	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)	010100012301	24ĐHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	8	D02	18:30	2	05/05/2025				
229	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)	010100012303	24ĐHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	6	D01	18:30	2	05/05/2025				
230	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)	010100012304	24ĐHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	2	D01	18:30	2	05/05/2025				
231	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)	010100012308	24ĐHQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	2	D01	18:30	2	05/05/2025				
232	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)	010100012309	24ĐHQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	24	D02	18:30	2	05/05/2025				
233	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)	010100012310	24ĐAQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	6	D01	18:30	2	05/05/2025				
234	Tiếng Việt thực hành	010100091901	24ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	6	D01	7:30	3	06/05/2025				
235	Tiếng Việt thực hành	010100091902	24ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	21	D02	7:30	3	06/05/2025				
236	Tiếng Việt thực hành	010100091905	24ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	7	D02	7:30	3	06/05/2025				
237	Tiếng Việt thực hành	010100091906	24ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	4	D01	7:30	3	06/05/2025				
238	Tiếng Việt thực hành	010100091908	24ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	10	D01	7:30	3	06/05/2025				
239	Kinh tế chính trị Mác Lênin	010100074720	24ĐHNL03; 24ĐHNL04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	25	D02	9:30	3	06/05/2025				
240	Kinh tế chính trị Mác Lênin	010100074722	24ĐHKQ01; 24ĐHNL05	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	17	D01	9:30	3	06/05/2025				
241	Toán cơ sở	010100051704	24ĐHTT04	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	2	D01	12:30	3	06/05/2025				
242	Toán cơ sở	010100051705	24ĐHTT05	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	5	D02	12:30	3	06/05/2025				
243	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)	011100144202	24ĐHKL02	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	3	18	D01	12:30	3	06/05/2025				
244	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)	011100144203	24ĐAKL01	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	3	24	D02	12:30	3	06/05/2025				
245	Lập trình cơ bản	010100096605	24ĐHTT05	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	1	D02	14:30	3	06/05/2025				
246	Kỹ thuật lập trình	011100009501	24ĐAKT01	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	3	5	D02	14:30	3	06/05/2025				
247	Kỹ thuật lập trình	011100009502	24ĐHKT01	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	3	14	D01	14:30	3	06/05/2025				
248	Kỹ thuật lập trình	011100009503	24ĐHKT02	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	3	16	D02	14:30	3	06/05/2025				

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp Học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
249	Kỹ thuật lập trình	011100009504	24ĐHKT03	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	3	6	D01	14:30	3	06/05/2025				
250	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)	010100012302	24ĐHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	11	D02	16:30	3	06/05/2025				
251	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)	010100012306	24ĐHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	7	D02	16:30	3	06/05/2025				
252	Tiếng Việt thực hành	010100091903	24ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	7	D01	16:30	3	06/05/2025				
253	Tiếng Việt thực hành	010100091909	24ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	13	D01	16:30	3	06/05/2025				
254	Lập trình cơ bản	010100096601	24ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	3	D02	16:30	3	06/05/2025				
255	Lập trình cơ bản	010100096602	24ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	4	D02	16:30	3	06/05/2025				
256	Lập trình cơ bản	010100096603	24ĐHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	1	D02	16:30	3	06/05/2025				
257	Lập trình cơ bản	010100096604	24ĐHTT04	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	1	D02	16:30	3	06/05/2025				
258	Lập trình cơ bản	010100096606	24ĐHTT06	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	2	D02	16:30	3	06/05/2025				
259	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)	010100012305	24ĐHQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	13	D02	18:30	3	06/05/2025				
260	Văn hóa doanh nghiệp (Organizational Culture)	010100012307	24ĐHQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	2	8	D02	18:30	3	06/05/2025				
261	Toán cơ sở	010100051701	24ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	3	D02	18:30	3	06/05/2025				
262	Toán cơ sở	010100051702	24ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	1	D02	18:30	3	06/05/2025				
263	Toán cơ sở	010100051706	24ĐHTT06	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	3	D01	18:30	3	06/05/2025				1 SV qua D02
264	Tiếng Việt thực hành	010100091907	24ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	2	18	D01	18:30	3	06/05/2025				
265	Toán cơ sở	011100051702	24ĐHĐT02	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	3	D02	18:30	3	06/05/2025				
266	Kinh tế vĩ mô	010100010504	24ĐHKVC1	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	10	D01	7:30	4	07/05/2025				
267	Kinh tế vĩ mô	010100010505	24ĐHKVC2	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	12	D02	7:30	4	07/05/2025				
268	Kinh tế vĩ mô	010100010506	24ĐHQT01	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	11	D02	7:30	4	07/05/2025				
269	Kinh tế vĩ mô	010100010508	24ĐHQT03	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	11	D01	7:30	4	07/05/2025				1 SV sang D02

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp Học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
270	Kinh tế vĩ mô	010100010511	24ĐHQT06	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	5	D02	7:30	4	07/05/2025				
271	Kinh tế vĩ mô	010100010513	24ĐHQT08	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	10	D01	9:30	4	07/05/2025				
272	Kinh tế vĩ mô	010100010516	24ĐHNL02	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	10	D01	9:30	4	07/05/2025				
273	Kinh tế vĩ mô	010100010517	24ĐHNL03	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	18	D02	9:30	4	07/05/2025				
274	Kinh tế vĩ mô	010100010519	24ĐHNL05	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	9	D02	9:30	4	07/05/2025				
275	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)	010100010523	24ĐHDL04	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	12	D02	12:30	4	07/05/2025				
276	Kinh tế vĩ mô	010100010534	24ĐHDL02	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	10	D01	12:30	4	07/05/2025				
277	Kinh tế vĩ mô	010100010535	24ĐHDL03	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	11	D01	12:30	4	07/05/2025				1 SV qua D02
278	Kinh tế vĩ mô	010100010536	24ĐHDL04	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	15	D02	12:30	4	07/05/2025				
279	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)	010100010501	24ĐHKV01	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	15	D01	14:30	4	07/05/2025				
280	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)	010100010503	24ĐHKV03	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	2	D02	14:30	4	07/05/2025				
281	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)	010100010522	24ĐHDL03	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	23	D02	14:30	4	07/05/2025				
282	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)	010100010537	24ĐHKQ01	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	5	D01	14:30	4	07/05/2025				
283	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1	010100102001	24ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	8	D01	16:30	4	07/05/2025				
284	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1	010100102002	24ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	2	D01	16:30	4	07/05/2025				
285	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1	010100102003	24ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	7	D02	16:30	4	07/05/2025				
286	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1	010100102004	24ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	4	D01	16:30	4	07/05/2025				
287	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1	010100102006	24ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	6	D01	16:30	4	07/05/2025				
288	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1	010100102007	24ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	7	D02	16:30	4	07/05/2025				
289	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1	010100102008	24ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	6	D02	16:30	4	07/05/2025				
290	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1	010100102009	24ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	2	D02	16:30	4	07/05/2025				

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp Học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
291	Macroeconomics	010100173101	24ĐAKV01	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	2	D02	16:30	4	07/05/2025				
292	Kinh tế vi mô	011100010402	24ĐHXD02	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	1	D02	16:30	4	07/05/2025				
293	Máy điện	011100088501	24ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	3	1	D02	16:30	4	07/05/2025				
294	Máy điện	011100088503	24ĐHTĐ03	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	3	3	D02	16:30	4	07/05/2025				
295	Toán chuyên đề	011100008701	24ĐHTĐ01	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	4	D01	18:30	4	07/05/2025				
296	Toán chuyên đề	011100008702	24ĐHTĐ02	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	3	D01	18:30	4	07/05/2025				
297	Toán chuyên đề	011100008703	24ĐHTĐ03	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	4	D02	18:30	4	07/05/2025				
298	Toán chuyên đề	011100008704	24ĐAKT01	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	3	D01	18:30	4	07/05/2025				
299	Toán chuyên đề	011100008705	24ĐHKT01	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	9	D02	18:30	4	07/05/2025				
300	Toán chuyên đề	011100008706	24ĐHKT02	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	15	D02	18:30	4	07/05/2025				
301	Toán chuyên đề	011100008707	24ĐHKT03	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	3	9	D01	18:30	4	07/05/2025				
302	Ngữ pháp 2	010100093301	24ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	11	D01	7:30	5	08/05/2025				
303	Ngữ pháp 2	010100093303	24ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	4	D02	7:30	5	08/05/2025				
304	Ngữ pháp 2	010100093304	24ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	9	D01	7:30	5	08/05/2025				
305	Ngữ pháp 2	010100093308	24ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	2	D02	7:30	5	08/05/2025				
306	Ngữ pháp 2	010100093309	24ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	6	D02	7:30	5	08/05/2025				
307	Ngữ pháp 2	010100093310	24ĐHNA01; 24ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	5	D02	7:30	5	08/05/2025				
308	Ngữ pháp 2	010100093314	24ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	9	D02	7:30	5	08/05/2025				
309	Nguyên lý kế toán	010100010702	24ĐHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	13	D02	9:30	5	08/05/2025				
310	Nguyên lý kế toán	010100010703	24ĐHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	10	D01	9:30	5	08/05/2025				
311	Nguyên lý kế toán	010100010704	24ĐHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	15	D02	9:30	5	08/05/2025				

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp Học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
312	Nguyên lý kế toán	010100010705	24ĐHQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	7	D01	9:30	5	08/05/2025				
313	Nguyên lý kế toán	010100010706	24ĐHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	23	D01	12:30	5	08/05/2025				3 SV qua D02
314	Nguyên lý kế toán	010100010707	24ĐHQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	17	D02	12:30	5	08/05/2025				
315	Nguyên lý kế toán	010100010708	24ĐHQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	8	D02	12:30	5	08/05/2025				
316	Quản trị nhân lực	010100008201	24ĐHNL01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	17	D01	14:30	5	08/05/2025				
317	Quản trị nhân lực	010100008202	24ĐHNL02	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	15	D02	14:30	5	08/05/2025				
318	Quản trị nhân lực	010100008205	24ĐHNL05	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	14	D02	14:30	5	08/05/2025				
319	Nguyên lý kế toán	010100010711	24ĐHNL02	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	8	D02	16:30	5	08/05/2025				
320	Nguyên lý kế toán	010100010712	24ĐHNL03	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	7	D02	16:30	5	08/05/2025				
321	Nguyên lý kế toán	010100010713	24ĐHNL04	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	9	D01	16:30	5	08/05/2025				
322	Nguyên lý kế toán	010100010714	24ĐHNL05	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	7	D02	16:30	5	08/05/2025				
323	Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)	010100010715	24ĐAQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	1	D01	16:30	5	08/05/2025				
324	Triết học Mác Lênin	010100074605	24ĐHNA05; 24ĐHNA06	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	8	D01	16:30	5	08/05/2025				
325	Triết học Mác Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism)	011100074601	24ĐAKT01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	7	D02	16:30	5	08/05/2025				
326	Ngữ pháp 2	010100093305	24ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	14	D01	18:30	5	08/05/2025				
327	Ngữ pháp 2	010100093306	24ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	3	D02	18:30	5	08/05/2025				
328	Ngữ pháp 2	010100093307	24ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	14	D02	18:30	5	08/05/2025				
329	Ngữ pháp 2	010100093311	24ĐHNA03; 24ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	6	D01	18:30	5	08/05/2025				
330	Ngữ pháp 2	010100093312	24ĐHNA05; 24ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	5	D02	18:30	5	08/05/2025				
331	Kinh tế chính trị Mác Lênin	010100074702	24ĐHTT03; 24ĐHTT04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	35	D02	7:30	6	09/05/2025				6 SV qua D01
332	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)	010100074725	24ĐHDL03; 24ĐHDL04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	12	D01	7:30	6	09/05/2025				

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp Học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
333	Kinh tế chính trị Mác Lênin	010100074718	24ĐHNL01; 24ĐHNL02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	17	D01	9:30	6	09/05/2025				
334	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)	010100074738	24ĐAQT01	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	7	D01	9:30	6	09/05/2025				4 SV qua D02
335	Kinh tế chính trị Mác Lênin	011100074707	24ĐHKT01; 24ĐHKT02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	25	D02	9:30	6	09/05/2025				
336	Kinh tế vĩ mô	010100010518	24ĐHNL04	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	9	D01	12:30	6	09/05/2025				
337	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)	010100010520	24ĐHDL01	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	10	D01	12:30	6	09/05/2025				
338	Kinh tế chính trị Mác Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)	010100074704	24ĐHKV01; 24ĐHKV02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	2	9	D02	12:30	6	09/05/2025				
339	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)	011100144201	24ĐHKL01	Khoa Điện - Điện tử	Trắc nghiệm online	3	16	D02	12:30	6	09/05/2025				
340	Kinh tế vĩ mô	010100010507	24ĐHQT02	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	7	D02	14:30	6	09/05/2025				
341	Kinh tế vĩ mô	010100010510	24ĐHQT05	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	10	D01	14:30	6	09/05/2025				
342	Kinh tế vĩ mô	010100010512	24ĐHQT07	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	17	D02	14:30	6	09/05/2025				
343	Kinh tế vĩ mô	010100010514	24ĐHQT09	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	10	D01	14:30	6	09/05/2025				
344	Tiếng Anh 1	010200106101	24ĐVKL01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	2	D02	14:30	6	09/05/2025				
345	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000104	24ĐHDL04	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	25	D01	16:30	6	09/05/2025				5 Sv qua D02
346	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000107	24ĐHDL03	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	9	D02	16:30	6	09/05/2025				
347	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000108	24ĐHDL04	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	15	D02	16:30	6	09/05/2025				
348	Ngữ pháp 2	010100093313	24ĐHNA07; 24ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	10	D01	18:30	6	09/05/2025				
349	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1	010100102005	24ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	8	D02	18:30	6	09/05/2025				
350	Tiếng Anh 1	010100106101	24ĐHTT01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	2	D02	18:30	6	09/05/2025				
351	Tiếng Anh 1	010100106102	24ĐHTT02	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	6	D01	18:30	6	09/05/2025				
352	Tiếng Anh 1	010100106104	24ĐHTT04	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	7	D02	18:30	6	09/05/2025				

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp Học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
353	Tiếng Anh 1	010100106105	24ĐHTT05	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	5	D02	18:30	6	09/05/2025				
354	Tiếng Anh 1 - English 1	010100106110	24ĐAKV01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	1	D01	18:30	6	09/05/2025				
355	Tiếng Anh 1	011100106103	24ĐHTĐ01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	3	D01	18:30	6	09/05/2025				
356	Tiếng Anh 1	011100106104	24ĐHTĐ02	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	2	D02	18:30	6	09/05/2025				
357	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000101	24ĐHDL01	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	14	D02	7:30	7	10/05/2025				
358	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000102	24ĐHDL02	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	14	D02	7:30	7	10/05/2025				
359	Tổng quan về Hàng không dân dụng	011100000101	24ĐHKT01	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	14	D01	7:30	7	10/05/2025				
360	Tổng quan về Hàng không dân dụng	011100000104	24ĐHDXD01; 24ĐHDXDC1	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	7	D01	7:30	7	10/05/2025				1 SV qua D02
361	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)	010100017704	24ĐHKVC1	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	4	11	D02	9:30	7	10/05/2025				
362	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)	010100017705	24ĐHKVC2	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	4	10	D02	9:30	7	10/05/2025				
363	Sân bay	011100003002	24ĐHKL02	Khoa Xây dựng	Trắc nghiệm online	3	20	D01	9:30	7	10/05/2025				
364	Nguyên lý kế toán	010100010701	24ĐHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	5	D01	12:30	7	10/05/2025				
365	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)	010100017701	24ĐHKV01	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	4	3	D02	12:30	7	10/05/2025				
366	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)	010100017702	24ĐHKV02	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	4	13	D01	12:30	7	10/05/2025				
367	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)	010100017703	24ĐHKV03	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	4	12	D02	12:30	7	10/05/2025				
368	Lý thuyết xác suất - thống kê	010100017706	24ĐAKV01	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm online	4	2	D01	12:30	7	10/05/2025				
369	Kinh tế vĩ mô	010100010515	24ĐHNL01	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	6	D01	14:30	7	10/05/2025				
370	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)	010100010538	24ĐAQT01	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	12	D01	14:30	7	10/05/2025				
371	Kinh tế vĩ mô	010100010509	24ĐHQT04	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	14	D01	16:30	7	10/05/2025				
372	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)	010100010521	24ĐHDL02	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	17	D02	16:30	7	10/05/2025				
373	Quản trị nhân lực	010100008203	24ĐHNL03	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	7	D01	18:30	7	10/05/2025				

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp Học	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
374	Triết học Mác Lênin	010100074601	24ĐHNA01; 24ĐHNA02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	42	D02	18:30	7	10/05/2025	1	1-29		
375	Triết học Mác Lênin	010100074601	24ĐHNA01; 24ĐHNA02	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	42	D01	18:30	7	10/05/2025	2	30-42		
376	Quản trị nhân lực	010100008204	24ĐHNL04	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	19	D01	7:30	8	11/05/2025				
377	Triết học Mác Lênin	010100074609	24ĐHNA09	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	13	D02	7:30	8	11/05/2025				
378	Ngữ pháp 2	010100093302	24ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	15	D02	7:30	8	11/05/2025				
379	Triết học Mác Lênin	010100074603	24ĐHNA03; 24ĐHNA04	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	22	D01	9:30	8	11/05/2025				2 SV qua D02
380	Triết học Mác Lênin	010100074607	24ĐHNA07; 24ĐHNA08	Khoa Cơ bản	Trắc nghiệm online	3	23	D02	9:30	8	11/05/2025				
381	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)	010100010502	24ĐHKV02	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	28	D02	12:30	8	11/05/2025				
382	Nguyên lý kế toán	010100010709	24ĐHQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	Trắc nghiệm online	3	13	D01	12:30	8	11/05/2025				
383	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000103	24ĐHDL03	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	19	D01	14:30	8	11/05/2025				
384	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000105	24ĐHDLC1	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	19	D02	14:30	8	11/05/2025				
385	Tổng quan về Hàng không dân dụng	010100000106	24ĐHDLC2	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	9	D02	14:30	8	11/05/2025				
386	Tổng quan về HKDD (Air Transport Fundamentals)	010100054801	24ĐAQT01	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	2	D02	16:30	8	11/05/2025				
387	Tổng quan về Hàng không dân dụng	011100000102	24ĐHKT02	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	19	D01	16:30	8	11/05/2025				
388	Tổng quan về Hàng không dân dụng	011100000103	24ĐHKT03	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	18	D02	16:30	8	11/05/2025				
389	Tổng quan về Hàng không dân dụng	011100000105	24ĐHXD02	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	14	D01	18:30	8	11/05/2025				
390	Sân bay	011100003001	24ĐHKL01	Khoa Xây dựng	Trắc nghiệm online	3	17	D02	18:30	8	11/05/2025				
391	Kinh tế vĩ mô	010100010533	24ĐHDLC1	Khoa Kinh tế Hàng không	Trắc nghiệm online	3	24	D02	7:30	2	12/05/2025				

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Lập bảng


Dương Gia Bảo

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO


TS. Trần Thiện Lưu